TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Số: 44/2024/DSST
Ngày: 25/3/2024
V/v: "Tranh chấp đòi tài sản từ hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**
Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Tặng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp đòi tài sản từ hợp đồng mua bán tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-DS ngày 05/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Hữu P,** sinh năm 1967.
Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1974. (Vợ ông Phước)
Cùng địa chỉ: Kp 9, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phước: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1974.
Địa chỉ: Kp 9, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1985
Bà **Nguyễn Thị M** (tên thường gọi **Nguyễn Thị Th**) sinh năm 1978 (Vợ ông Lâm)
Cùng địa chỉ: Kp 9, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG.
(Bà H có mặt, bà M có mặt, ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Hữu P trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu P có cửa hàng bán tạp hoá tại Kp 9, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 cho đến tháng 2/2023 thì vợ chồng bà H có bán thiếu hàng hoá cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M để phục vụ cho việc đi biển đánh cá của gia đình. Trong quá trình mua bán thì vợ chồng ông L, bà M có lúc trả, nhưng cũng có khi thiếu lại. Hàng tháng ông P đều cộng lại số tiền nợ và thông báo cho vợ chồng ông L, bà M biết. Tháng 8/2023 thì hai bên chốt lại số nợ, vợ chồng ông L, bà M còn nợ số tiền 103.275.000 đồng.

Vợ chồng ông P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L, bà M trả số tiền 103.275.000 đồng nêu trên nhưng ông, bà không trả nên đã nộp đơn khởi kiện đến Toà án. Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023 vợ chồng bà H yêu cầu vợ chồng bà M trả số tiền 103.750.000 đồng là có sự nhầm lẫn, khi đánh máy, số tiền thực tế vợ chồng bà M thiếu là 103.275.000 đồng.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M phải giao trả một lần cho vợ chồng ông, bà số tiền còn nợ là 103.275.000 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau: Vợ chồng bà có mua hàng hóa của vợ chồng ông P, bà H các mặt hàng nhu yếu phẩm như mì tôm, trứng, gạo, ga, nước nắm, dầu ăn …để phục vụ cho việc đi biển đánh cá xa bờ của gia đình. Khi mua thì vợ chồng bà không có tiền mặt để trả mà khi nào đi đánh cá về bán cá có tiền thì trả cho ông P và bà H. Đến năm 2022, vợ chồng ông, bà làm ăn không được, nợ nần nhiều nên tháng 06/2023 phải bán ghe để trả nợ, sau khi bán ghe thì có trả trước một số tiền cho vợ chồng bà H. Vào tháng 8/2023 thì vợ chồng bà H chốt lại số nợ vợ chồng ông, bà còn thiếu của vợ chồng bà H là 103.275.000 đồng. Nay vợ chồng bà H yêu cầu trả số nợ trên thì bà đồng ý, nhưng khi nào bán được tài sản bà mới có trả cho bà vợ chồng bà Hạnh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Thừa nhận có mua hàng hoá tại cửa hàng bán tạp hoá của vợ chồng bà H, hiện nay còn nợ số tiền 103.275.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay gia đình đang khó khăn nên xin trả mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, đến khi nào hết số nợ trên.

**** Bà Nguyễn Thị H trình bày tại phiên toà:*** Không đồng ý với ý kiến của ông L, với tư cách là nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền cho ông P,

bà H yêu cầu vợ chồng bà M, ông L trả một lần đủ số tiền 103.275.000 đồng, để bà lấy vốn làm ăn, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông L theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp vơi quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L trả một lần số tiền 103.275.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại địa bàn thành phố PQ, tỉnh KG. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định đây là "Tranh chấp đòi lại tài từ hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2023 vợ chồng bà có bán thiếu các mặt hàng nhu yếu phẩm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M để phục vụ cho việc đi biển đánh cá. Đến năm 2022 vợ chồng ông L bán ghe và có trả bớt số tiền nợ cho vợ chồng bà H. Sau đó, tháng 08/2023 thì hai bên chốt lại số nợ 103.275.000 đồng, đến nay vợ chồng ông L, bà M không trả thêm khoản nào cho vợ chồng bà H.

Vợ chồng ông L, bà M thừa nhận có nợ số tiền 103.275.000 đồng và thống nhất trả số nợ trên. Tuy nhiên, bà M xin vợ chồng bà H tạo điều kiện khi nào bán được nhà thì sẽ trả. Ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng có ý kiến trình bày thừa nhận vợ chồng ông có nợ số tiền 103.275.000 đồng, của vợ chồng bà H nhưng do hiện nay hoàn cảnh đang khó khăn nên xin

trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Vợ chồng bà H không đồng ý với ý kiến trên của vợ chồng ông L, yêu cầu trả một lần số tiền 103.275.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông L, bà M thừa nhận còn vợ chồng bà H số tiền mua hàng hoá là 103.275.000 đồng. Xét, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, 430, 433, 434 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H, buộc vợ chồng ông L, bà M trả cho vợ chồng bà H, ông P số tiền 103.275.000 đồng.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả 103.275.000 đồng cụ thể 103.275.000 đồng x 5% = 5.163.750 đồng (Năm triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu P không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 92, 147, 264, 266, 228; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 105; 115; 166; 430, 433, 434 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu P và và Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Lê Hữu P và và Nguyễn Thị H số tiền 103.275.000 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả 103.275.000 đồng cụ thể 103.275.000 đồng x 5% = 5.163.750 đồng (Năm triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hữu P không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.593.750 đồng theo biên lai thu số 0004370 ngày 05/01/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND TP. PQ;
- CC. THADS TP. PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Hà